

ĐIỀU ĐẶC BIỆT Ở CÂU TỒN TẠI TIẾNG ANH

*Đặng Ngọc Hương**

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 04/01/2021

Ngày nhận kết quả phản biện đánh giá: 02/7/2021

Ngày bài báo được duyệt đăng: 26/7/2021

Tóm tắt: Câu tồn tại tiếng Anh, câu có cấu trúc điển hình *there-be*, từ trước tới nay đã được miêu tả, phân tích nhiều trong các tài liệu nghiên cứu và giảng dạy tiếng Anh. Hầu hết các tác giả khi phân tích cú pháp câu tồn tại đều cho rằng *there* không phải là chủ ngữ, chủ ngữ câu tồn tại là danh từ, còn gọi là danh ngữ, đứng sau động từ vị ngữ *be*, chi phối dạng số ít hay số nhiều của *be*. Hệ quả là, khi giảng dạy nhiều giáo viên hướng dẫn người học phải dựa vào dạng số ít hay số nhiều của danh từ sau *be* để chọn dạng số của động từ vị ngữ trong câu. Qua phân tích đặc điểm cú pháp và ngữ nghĩa của các thành tố trong câu tồn tại tiếng Anh và tham khảo các tài liệu liên quan chúng tôi thấy rằng, câu tồn tại tiếng Anh có cấu trúc bình thường, trong đó *there* là chủ ngữ, *be* là động từ vị ngữ và danh từ theo sau là bổ chủ ngữ.

Từ khóa: câu tồn tại, tiếng Anh, cấu trúc, miêu tả, phân tích, nghiên cứu, giảng dạy, đứng trước/sau, chủ ngữ, động từ vị ngữ, bổ chủ ngữ, cú pháp, ngữ nghĩa, thành tố, số, số ít, số nhiều, đặc điểm, tham khảo, chọn, bình thường.

I. Dẫn nhập

Trong nhiều tài liệu học tiếng Anh, khi nói về cấu trúc chỉ tồn tại *there-be* người học thường được giải thích rằng, câu tồn tại tiếng Anh có trật tự từ đảo ngược, từ *there* được cho là đứng đầu câu tồn tại làm chủ ngữ giả (*dummy subject*) và danh ngữ sau động từ *be* là chủ ngữ thật (*true subject*). Ví dụ, trong câu: *There was a noise in the night*, từ *there* được gọi là chủ ngữ giả, chủ ngữ hình thức, v.v.... Do vậy, người học thường được hướng dẫn phải xác định được chủ ngữ của câu là danh từ sau động từ *be*, và đảm bảo rằng động từ vị ngữ phải chia theo chủ ngữ. Tuy nhiên,

theo quy tắc ngữ pháp tiếng Anh, thông thường trật tự các thành tố cơ bản trong câu là: Chủ ngữ đứng đầu câu, sau đó là Vị ngữ, tiếp đến là Tân ngữ (SVO) hoặc Bổ chủ ngữ (SVC). Câu hỏi đặt ra là vai trò và nghĩa của từ *there* đứng đầu câu là gì và phải chăng câu tồn tại tiếng Anh có cấu trúc bình thường. Đó là những nội dung chúng tôi muốn trao đổi trong bài viết này.

II. Một vài nét về đại từ tiếng Anh

Trong các tài liệu ngữ pháp tiếng Anh, dựa vào nghĩa và chức năng cú pháp khác nhau đại từ tiếng Anh có thể phân thành các loại sau:

* Trường Đại học Đại Nam

STT	Đại từ tiếng Anh dịch tên tiếng Việt	Loại đại từ tiếng Anh	Ví dụ
1	Đại từ nhân xưng	Personal pronouns: <i>I, you, she, they...</i>	<i>I come from Hanoi.</i> <i>Please don't look at me that way.</i>
2	Đại từ phản thân và đại từ nhấn mạnh	Reflexive and intensive pronouns: <i>myself, herself, themselves...</i>	<i>This refrigerator defrosts itself. (Reflexive)</i> <i>The film itself wasn't very good but I like the music (Intensive)</i>
3	Đại từ chỉ định	Demonstrative pronouns: <i>this, that, these...</i>	<i>This is my wife.</i> <i>Those books are mine.</i>
4	Đại từ sở hữu	Possessive pronouns: <i>mine, yours, hers...</i>	<i>My books are here. Yours are there.</i> <i>He did his work. I did mine.</i>
5	Đại từ quan hệ	Relative pronouns: <i>who, which...</i>	<i>That is the boy who helped me to find your house.</i> <i>This is the book which I like best.</i>
6	Đại từ bất định	Indefinite pronouns <i>one, someone...</i>	<i>Everybody is here.</i>
7	Đại từ nghi vấn	Interrogative pronouns: <i>who, what,..</i>	<i>Who keeps the key?</i> <i>Whom did they invite?</i> <i>What caused the explosion</i>

Thông qua bảng phân loại và các câu ví dụ có thể thấy rằng đại từ tiếng Anh đa dạng; đại từ có thể có các vị trí, chức năng khác nhau trong câu nhưng đa phần đại từ có thể đứng đầu câu làm chủ ngữ, đó là: đại từ nhân xưng, đại từ chỉ định, đại từ bất định, đại từ nghi vấn, v.v....

Nhìn chung, đặc điểm nổi bật của đại từ tiếng Anh là nghĩa quy chiếu; một số có quy chiếu ngoại chỉ, ví dụ: *I* là đại từ nhân xưng số ít, chỉ người nói, và *we* số nhiều, chỉ người nói cùng với người khác; một số có quy chiếu nội chỉ, thay cho từ đã nói phía trước trong câu (hỏi chỉ), ví dụ: *His car is new. **Mine** is old*, hoặc phía sau (khứ chỉ), ví dụ: *When I met **her**, **Mary** looked so pale*.

Nếu danh từ thay đổi dạng thức thể hiện nghĩa số ít hay nhiều, dùng phụ tố, ví dụ: *book* (quyển sách), *books* (những quyển sách), đại từ tiếng Anh không thay đổi dạng thức, nghĩa số ít, số nhiều được thể hiện bằng các từ khác nhau, ví dụ: *I, he, it...* nghĩa số ít; *we, they...* nghĩa số nhiều. *this* đại từ chỉ định số ít, *those* đại từ chỉ định số nhiều, v.v.... Tuy nhiên, một

số đại từ tiếng Anh chỉ có một hình thái, nghĩa số ít hay số nhiều của từ tùy thuộc vào nghĩa của người sử dụng. Ví dụ, trong tình huống khi có một vài người ở phía trước, nếu muốn biết họ là ai người Anh sẽ hỏi: *Who are there?* Còn nếu chỉ có 1 người thì câu hỏi sẽ là *who is there?* Trường hợp tương tự cũng xảy ra với đại từ quan hệ *who, which, that* là chủ ngữ ở mệnh đề phụ, những đại từ này chỉ có một dạng nhưng cũng có nghĩa số ít số nhiều, nghĩa về số của đại từ quan hệ được nhận diện nhờ danh từ đứng trước mà đại từ thay thế. Trong câu ví dụ dưới đây, đại từ quan hệ *which* có nghĩa số ít [1a] hoặc số nhiều [1b] phụ thuộc vào nghĩa số của danh từ đứng trước.

[1] a. Take the book **which is** lying on the table.

b. Take the books **which are** / **is* lying on the table.

Trong câu, đại từ tiếng Anh có thể đứng ở các vị trí khác nhau, thực hiện các chức năng cú pháp khác nhau; đó là làm chủ ngữ, ví dụ. *Mai is always the first person **who** helps me.* (Đại từ quan hệ),

bổ chủ ngữ, ví dụ: *This book is mine* (đại từ sở hữu), tân ngữ: *She cut herself in the finger* (đại từ phản thân), bổ ngữ sau giới từ: *Every one in the office is afraid of him* (đại từ nhân xưng). Trong câu trả lời ngắn, đại từ nhân xưng thay danh từ chủ ngữ đứng trước trợ động từ, ví dụ *Is Nam a student?* - Yes, **he** is, hoặc trong phần cuối của câu hỏi đuôi, đại từ được dùng thay thế chủ ngữ danh từ, đứng sau trợ động từ, ví dụ: *Nam is a student, isn't he?*

Nói tóm lại, đại từ tiếng Anh có nhiều loại, đảm nhận chức năng cú pháp khác nhau, nghĩa số ít hoặc số nhiều của đại từ được nhận diện qua hình thái tương ứng chữ viết của từ hoặc phụ thuộc vào ý muốn nói của người sử dụng trong giao tiếp. Khi đại từ giữ vai trò chủ ngữ trong câu động từ vị ngữ phải phù hợp với chúng về số.

III. Khái niệm về nghĩa tồn tại

Theo từ điển Longman Dictionary of Contemporary English (2010), tồn tại là việc xảy ra hay có mặt tại một hoàn cảnh hay nơi chốn cụ thể (tr.590). Nghĩa tồn tại có thể hiểu theo nhiều cách, và có nhiều cách thể hiện sự tồn tại. Cụ thể, câu tồn tại tiếng Anh có thể dùng với nhiều từ loại: dùng danh từ: *existence, presence, survival..*, ví dụ: *The peasants depend on a good harvest for their very existence*, tính từ: *existing, alive, present, current...*, ví dụ: *In its current state, the car is worth £1,000*, hoặc động từ: *exist, have, contain, comprise, consist of...*, ví dụ: *The house comprises two bedrooms*. Trong câu tồn tại, sự hiện diện của sự vật thường được xác định trong một hoàn cảnh cụ thể, được thể hiện bằng các từ, cụm từ chỉ nơi chốn hoặc thời gian xác định, ví dụ *There are four people in my family*. Với khái niệm này, bài viết tập trung trao đổi về câu tồn tại sử dụng cấu trúc *there-Be* trong tiếng Anh.

IV. Từ *there* trong tiếng Anh

Việc phân loại từ *there* trong các tài liệu ngữ pháp tiếng Anh không giống nhau. Ví dụ, Alice (tr.152) cho rằng *there* là từ không có nghĩa hay còn gọi là từ lấp đầy (*filler*), để cho câu đủ thành phần, có chủ ngữ đứng đầu câu. Chẳng hạn, trong câu *There are several bananas on the table* chủ ngữ thật là danh từ sau *be* còn *there* là chủ ngữ hình thức. Theo tác giả, loại câu có chủ ngữ hình thức không được khuyến dùng trong lối văn trang trọng. Thay vào đó, người viết nên dùng câu văn có chủ ngữ thật đầu câu: *Several bananas are on the table* hoặc dùng dạng nhấn mạnh, chủ ngữ ở cuối *On the table are several bananas* (tr.37).

Các từ điển giải thích Anh-Anh hoặc Anh-Việt cũng phân loại từ *there* không đồng nhất. Ví dụ, từ điển Oxford Advanced Learner's Dictionary (2010) cho *there* là trạng từ, được dùng để chỉ ra cái gì đó tồn tại hoặc xảy ra; ví dụ: *Suddenly there was a loud bang* (tr.1604). Từ điển Anh-Việt (1993) cho rằng có hai từ *there* và cả hai đều là trạng từ; nghĩa điển hình của từ *there* thứ nhất chỉ nơi chốn xa người nói, trái ngược với trạng từ *here* chỉ nơi chốn gần, trả lời câu hỏi *Where?*, ví dụ: *If John sits here, Mary can sit there*. Nghĩa điển hình của từ *there* thứ hai dùng thay cho chủ ngữ, kết hợp với *be, seem, appear, v.v...*; ví dụ: *There's no reason to go*. Từ điển Longman Dictionary of Contemporary English (2010) có ba từ *there* với nhiều nghĩa khác nhau, nhưng về cơ bản, thứ nhất *there* là đại từ, dùng để nói rằng cái gì đó tồn tại hoặc xảy ra, ví dụ: *There are a few things we need to discuss* (tr.1828), thứ hai *there* là trạng từ chỉ vị trí, nghĩa đối lập với *here*, và thứ ba *there* là thán từ, dùng diễn tả sự hài lòng trong văn nói khi đã thực hiện xong một

việc làm hay một dự định, ví dụ: **There!** *I've done it!*

Ngoài quan điểm cho rằng *there* là trạng từ, đại từ có tác giả cho rằng *there* có thể là danh từ, chỉ nơi chốn xác định: *chỗ đó, nơi đó, chỗ đấy*. Trong những câu dưới đây, *there* là danh từ bởi vì từ này kết hợp với giới từ phía trước [2a, b] hoặc mệnh đề phụ không hạn định phía sau [2c]:

[2] a. *He lives somewhere near there.*

b. *Tide comes up to there.*

c. *See there, where the willow bends over the brook.*

Chúng tôi dựa vào từ điển Longman Dictionary of Contemporary English (2010), cho rằng trong câu tồn tại tiếng Anh *there* là đại từ, có nghĩa và là chủ ngữ của câu.

V. Câu tồn tại tiếng Anh - Cấu trúc *there-be*

5.1 Đặc điểm hình thái

Nhìn chung, quan điểm của các học giả không giống nhau khi nói về cấu trúc *there-be*. Trong những năm 60-70 của thế kỷ trước, các nhà Anh ngữ học không gọi *there* đứng đầu câu là chủ ngữ, không xếp *there* thuộc từ loại nào với lý do *there* có đặc tính riêng biệt, không giống và cũng không đối lập với bất cứ loại từ nào, không từ nào có thể thay thế được *there*. Chalker (1992) nhận xét rằng, có hai cách kiến giải đối với *there*, cách thứ nhất cho *there* là trạng từ, dùng với động từ *be*, dạng đảo ngược để nhấn mạnh [There + verb + subject], nhưng không có nghĩa khi dịch sang tiếng Việt; ví dụ: **There was nothing here** (Ở đây không có gì cả), hoặc **Where there is oppression, there is struggle** (Ở đâu có áp bức, ở đó có đấu tranh) (<http://tratu.coviet.vn/hoc-tieng-anh/tu-dien/lac-viet/A-V/there.html>). Cách kiến giải

thứ hai coi *there* là chủ ngữ giả (*dummy subject*). Ngoài ra, Pence (1963) gọi *there* là từ ‘chêm’ (*expletive there*) hoặc từ lấp đầy (*filler*), trong câu *there* được coi như chất xúc tác (*catalyst*) trong phản ứng hoá học góp phần tạo nên phản ứng, còn chủ ngữ là danh ngữ sau động từ *be*.

Từ điển Anh-Việt (1993) giải thích rằng *there* là trạng từ dùng để thay thế chủ ngữ, kết hợp với với *be, appear...* nhất là khi nói đến ai/cái gì lần đầu tiên; ví dụ: **There's a man at the bus stop** (tr.1777).

Dựa trên cách phân loại của Từ điển Longman Dictionary of Contemporary (2020), chúng tôi cho rằng, câu tồn tại tiếng Anh dùng cấu trúc *there-be* có một số đặc điểm cú pháp-ngữ nghĩa cơ bản sau:

5.2 Đặc điểm cú pháp

Chủ ngữ (Subject - S)

Chúng tôi cho rằng trong câu tồn tại tiếng Anh *there* là chủ ngữ. Có một số cơ sở cho nhận định này. Trước hết, trong câu tiếng Anh rất nhiều trường hợp chủ ngữ là đại từ nhân xưng; chủ ngữ nêu chủ đề của câu: nói về vật (*It, They...*), về người (*I, She...*), về hiện tượng thiên nhiên, thời gian (*It*), v.v... Trong câu tồn tại, *there* nói về sự hiện diện của sự vật. Ví dụ:

[3] a. **She's my teacher.** (Nói tới người)

b. **It's raining outside.** (Hiện tượng thiên nhiên)

c. **There's nobody inside.** (Không tồn tại sự vật)

Thứ hai, trong câu hỏi Có/Không dùng động từ *be*, ví dụ: **Are you from Vietnam?**, chủ ngữ đứng sau động từ. Trường hợp này cũng xảy ra với từ *there* trong câu tồn tại: **Is there anybody inside?**

Và nữa, trong câu trả lời ngắn, theo quy tắc ngữ pháp tiếng Anh, đại từ là chủ

ngữ trong câu hỏi phải được nhắc lại ở câu trả lời. Tương tự, trong câu hỏi với cấu trúc tồn tại, *there* được nhắc lại, không phải danh từ sau *be*. Ví dụ:

[4] a. *Is he a student?* - *Yes, he is*
(Có phải anh ta là sinh viên không? – Đúng thế)

b. *Are there two men in the room?*
*Yes, there are/ *they are.*

Động từ vị ngữ *be* (Predicate Verb - V)

Trong câu tồn tại, động từ vị ngữ *be* phù hợp với chủ ngữ *there* về nghĩa số, thể và thời như những câu bình thường khác. Nếu *there* chỉ một sự vật hay nhiều vật tồn tại hoặc hiện diện, tương ứng động từ *be* sẽ là số ít hoặc số nhiều. Ví dụ:

[5] a. *There was a light on; there must have been somebody at home.*

b. *When we got to the party, there were already a lot of people there.*

Trong hai câu trên, ở mệnh đề thứ nhất câu [5a] *be* số ít, thời quá khứ và mệnh đề thứ hai *be* ở thể hoàn thành, *there* chỉ một vật còn ở câu thứ hai [5b] *be* số nhiều vì *there* chỉ nhiều người cùng hiện diện.

Bổ chủ ngữ (Subject Complement - Cs)

Theo quy tắc ngữ pháp tiếng Anh sử dụng trong văn viết, trong cấu trúc câu SVC bổ chủ ngữ đứng sau *be*, làm rõ nghĩa và phù hợp về dạng thức, nghĩa và số với chủ ngữ, tạo nên cấu trúc song song. Ví dụ:

[6] a. *Seeing is believing / *to believe*
(Phù hợp dạng thức).

b. *He is a good man / * a good table*
(Nghĩa biểu thị).

c. *I am a student / *students.* (Nghĩa số ít)

Khi đặt câu hỏi về bổ chủ ngữ, thông thường từ *what?* hoặc *who?* được sử dụng, trong câu tồn tại danh từ sau *be* cũng dùng với dạng câu hỏi này. Ví dụ:

[7] a. *What is your job? I'm a teacher.* (Hỏi bổ chủ ngữ câu trần thuật)

b. *What is there on the wall? - There is a picture.* (Bổ chủ ngữ câu tồn tại)

Trạng ngữ (Adverbial - A)

Trong câu tồn tại, sau danh từ bổ ngữ thường có những từ hoặc cụm từ giữ chức năng trạng ngữ, chỉ bối cảnh xuất hiện của sự vật mà danh từ bổ chủ ngữ định danh, chỉ vị trí hoặc thời điểm. Ví dụ:

[8] a. *There is no milk in the fridge. (Where?)*

b. *There are twenty members online now. (When?)*

Tóm lại, như đã trình bày, có thể nói câu tồn tại tiếng Anh dạng đầy đủ có bốn thành phần: Chủ ngữ - Động từ vị ngữ - Bổ chủ ngữ - Trạng ngữ (SVCA).

5.3 Đặc điểm ngữ nghĩa

Câu tồn tại tiếng Anh, như tên gọi, chỉ sự tồn tại của sự vật tại địa điểm hay thời điểm cụ thể. Nói cách khác, chủ ngữ của câu nêu sự tồn tại của một hay nhiều vật, danh từ sau *be* nêu tên sự vật. Trong nhiều trường hợp từ chỉ tên sự vật đi kèm với từ chỉ hoàn cảnh, thời điểm hay vị trí cụ thể của sự hiện diện. Tuy nhiên, khi hoàn cảnh giao tiếp đã rõ như câu [9b] dưới đây, người nói không cần dùng từ để nói tới hoàn cảnh vật xuất hiện nữa, ví dụ:

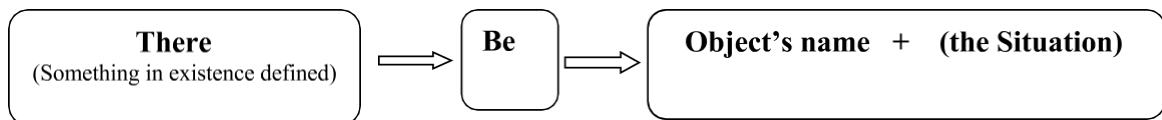
[9] a. *There's a man at the door / *There's a man.*

b. *There's no news.*

Khác với các câu trần thuật có cấu trúc NP-V-NP (SVO, SVC hoặc SVO/

CA), chủ ngữ thường là đại từ nhân xưng hoặc đại từ chỉ định, là phần nêu sự vật, phần báo sau động từ *be* là những danh từ nêu tên sự vật. Tuy nhiên, khác với dạng những câu trên, đại từ chủ ngữ của câu tồn tại *there* nói tới sự vật hiện diện trong hoàn cảnh cụ thể, bổ chủ ngữ là danh từ gọi tên sự vật đi kèm với các từ chỉ hoàn cảnh, nơi chốn hoặc thời điểm hiện diện của sự vật. So sánh:

[10] a. *What is this? It's a book.*
(Câu trần thuật)



VI. Trao đổi

6.1. Trật tự từ của câu tồn tại.

Chúng tôi cho rằng câu tồn tại tiếng Anh có cấu trúc SVC(A). Từ *there* trong câu tồn tại không phải là trạng từ chỉ nơi chốn đứng đầu câu mang nghĩa nhấn mạnh. Bởi lẽ, hình thức đảo ngữ với trạng từ chỉ nơi chốn có trật tự từ: AVS, ví dụ: *In front of the museum is a statue.* Tuy nhiên, trong câu tồn tại: *There is a statue in front of the museum* trạng ngữ chỉ nơi chốn là cụm giới từ sau danh từ, và nếu để nhấn mạnh thì cụm từ này phải chuyển lên đầu câu chứ không phải *there*: *In front of the museum there is a statue.* Hơn nữa, nếu cho *there* là trạng từ chỉ nơi chốn thì trong một số câu có cấu trúc *there-be* không có các từ chỉ nơi chốn, nghĩa của *there* trong những câu này không rõ, ví dụ: *There's no news* hoặc *There is no need to hurry.* Và nữa, nếu là dạng nhấn mạnh thì *there* phải đọc nhấn /'ðer/; tuy nhiên trong câu tồn tại *there* là đại từ, thường không được nhấn mạnh, phát âm là /ðə(r). Nói tóm lại, câu tồn tại tiếng Anh có cấu trúc bình thường SVC.

b. *What is there on the table? There's a book (on the table) / * It's a book / *A book is.* (Câu tồn tại)

Từ cách tiếp cận trên, có thể hiểu nôm na, trong tư duy ngôn ngữ, nghĩa câu tồn tại tiếng Anh bao gồm ba thành phần: Chủ ngữ *There* nêu có hay không có vật xuất hiện (the *identified*), động từ *be* mang nghĩa ngữ pháp nối chủ ngữ với bổ chủ ngữ mang nghĩa định danh sự vật chủ ngữ nêu và trạng ngữ chỉ bối cảnh vật xuất hiện (the *identifier*). Cấu trúc nghĩa của câu tồn tại tiếng Anh có thể được biểu thị như trong sơ đồ sau:

6.2. *There* là đại từ

Như đã trình bày ở trên, khi bàn về câu tồn tại tiếng Anh dùng cấu trúc *there-be*, các học giả không bàn nhiều, chú ý nhiều tới *there*, cho *there* là thứ yếu, không có nghĩa, chỉ có giá trị về hình thức. Chúng tôi cho rằng, về mặt từ loại, *there* có nhiều đặc điểm của một đại từ. Thứ nhất, giống như các đại từ khác, *there* không thay đổi dạng thức. Thông thường, trong câu hỏi có đại từ nhân xưng làm chủ ngữ thì đại từ chủ ngữ được nhắc lại trong câu trả lời, *there* cũng có đặc điểm này. Ví dụ:

[11] a. *Do they know English? Yes, they do* (Câu hỏi bình thường)

b. *Is there any water in the tank? Yes, there is some.* (Câu hỏi tồn tại)

Thứ hai, trong câu trần thuật đại từ nhân xưng, đại từ chỉ định thường đứng đầu câu làm chủ ngữ, *there* cũng có vị trí tương tự trong câu tồn tại, làm chủ ngữ. So sánh:

[12] a. *These are my children.* (Đại từ chỉ định)

b. **There** are two men in the room.
(Từ *there* chỉ tồn tại)

Thứ ba, trong câu trả lời câu hỏi Có/Không, và trong phần đuôi của câu hỏi đuôi, đại từ được sử dụng, không dùng danh từ, từ *there* cũng được sử dụng theo cách tương tự đối với câu tồn tại. Ví dụ:

[13] a. *Does Nam know English?* -
Yes, he does (Câu hỏi Có/Không)

b. *There are two men in the room, aren't there/*they?* (Câu hỏi đuôi)

Về nghĩa, như trình bày ở mục nói về đại từ tiếng Anh, đại từ thay danh từ, có nghĩa chỉ vật hoặc khái niệm. Tương tự, trong câu tồn tại, từ *there* đứng đầu câu, có nghĩa chỉ một hay nhiều vật xuất hiện trong một hoàn cảnh nhất định. Câu tồn tại tiếng Anh có thể được so sánh với câu định danh có kiểu cấu tạo tương đối giống nhau: Chủ ngữ (S) – Động từ vị ngữ (V) – Bổ chủ ngữ (Cs) như trong ví dụ sau:

[14] a. **This** is a book / b. **Those** are books. (Câu định danh)

c. **There** is a book on the table / d. **There** are two books on the table. (Câu tồn tại)

Trong hai cặp câu trên, cặp thứ nhất [14a,b] danh từ sau *be* gọi tên sự vật, đại từ chỉ định chủ ngữ với số ít và số nhiều tương ứng với đồ vật ở gần hay ở xa người nói. Ở cặp câu thứ hai chủ ngữ là đại từ *there*, có cả nghĩa số ít, chỉ một vật [14c] và số nhiều, chỉ nhiều vật cùng loại [14d] tồn tại cùng địa điểm.

Giống như các đại từ chỉ định hoặc nhân xưng có thể làm tân ngữ trong câu, ngoài chức năng chủ ngữ *there* cũng có thể giữ vai trò tân ngữ trong câu:

[15] a. *I want him to do the job.* (Đại từ nhân xưng tân ngữ)

b. *I would not wish there to be more cold weather.* (*There* tân ngữ)

Cũng như những đại từ khác trong tiếng Anh, *there* cũng có thể làm bổ ngữ sau giới từ:

[16] a. *I'm afraid of her.*

b. *Just the idea of there being a gun near me is unnerving.*

6.3. Nghĩa số ít, số nhiều của từ **there** trong câu tồn tại

Trước khi bàn về nghĩa số của từ của *there*, chúng ta xem xét một số trường hợp sau. Trường hợp thứ nhất, chúng ta có thể hình dung trường hợp người nói tiếng Anh dùng câu hỏi: *Who is at the door?* người nói chắc hẳn hỏi về một người, và nếu hỏi *Who are talking inside?* người hỏi nghĩ tới nhiều người. Trường hợp với từ *What* làm chủ ngữ cũng tương tự. Chẳng hạn, nếu nhìn từ xa hoặc vì lý do nào đó không rõ tên đồ vật, người nói tiếng Anh có thể đặt câu hỏi: *What is inside the box?*, khi đó từ *What* được dùng để hỏi về một vật. Và nếu đoán trong hộp có nhiều đồ vật, câu hỏi có thể là: *What are inside?*. Nói cách khác, trong tiếng Anh có một số đại từ chỉ có một dạng mang cả nghĩa số ít và số nhiều. Có thể rút ra kết luận rằng, đa phần đại từ tiếng Anh nghĩa số ít hoặc số nhiều được thể hiện bằng các từ khác nhau, ví dụ: *I, this, she...* (đại từ số ít), *we, they, these...* (đại từ số nhiều), nhưng cũng có những đại từ có một hình thái có cả nghĩa số ít và số nhiều: *what* (cái gì, những cái gì), *who* (ai, những ai), *you* (bạn, các bạn), *there* (có / không có), v.v...

Bên cạnh đó, trong tiếng Anh cũng có một số danh từ chỉ có một dạng, có cả nghĩa số ít, số nhiều. Một số danh từ

có dạng số nhiều: *series, means, ...*; một số danh từ dạng số ít nhưng có thể dùng cả với cả hai dạng số ít, số nhiều: *data, committee, group, people...*. Khi những từ loại này làm chủ ngữ của câu, động từ vị ngữ có thể chia theo số ít hay số nhiều là tùy thuộc người sử dụng. Ví dụ:

[17] a. *This / These means of transport is / are popular in Vietnam.*

b. *The committee has / have decided to close the restaurant.*

Từ các ví dụ nêu trên, có thể suy ra rằng trong câu tiếng Anh, nghĩa số ít hay số nhiều của danh từ hay đại từ không hẳn lúc nào cũng được biểu thị bằng hình thái từ. Nghĩa số của từ còn có thể do người nói chi phối trong giao tiếp.

Đối với nghĩa số của từ *there* trong câu tồn tại, chúng ta hãy xem xét hai ví dụ sau:

[18] a. *There is no water in the tank.*

b. *There are two cups on the table.*

Câu [18a] từ *there* nói tới không có vật thể trong một vật chứa, câu [18b] nói tới hai vật trên mặt một vật thể. Như vậy, *there* trong câu tồn tại tiếng Anh có cả nghĩa số ít và số nhiều, nghĩa số ít là nói tới một vật và số nhiều nói tới nhiều vật; còn vật đó tên là gì thì danh từ sau *be* làm nhiệm vụ định danh. Cụ thể, danh từ sau động từ *be* [18a] cho biết vật mà chủ ngữ nói tới là nước (*water*), câu đó nghĩa không có nước trong thùng (*tank*), danh từ sau *be* [18b] cho biết hai vật chủ ngữ nói tới là hai cái chén (*two cups*) trên bàn (*on the table*).

Như vậy, có thể thấy rằng từ *there* trong câu tồn tại có nghĩa chỉ vật, số ít hay số nhiều là do người nói hay viết quyết định. *there* nghĩa số ít khi thông báo có

một vật xuất hiện, số nhiều khi nhiều vật cùng xuất hiện, danh từ sau *be* là hiện thân của chủ ngữ, cụ thể hóa tên vật, số lượng vật và những từ kèm theo nói về hoàn cảnh hiện diện của vật. Nói cách khác, động từ *be* phụ thuộc vào *there*, không phụ thuộc vào danh từ đứng sau. Điều này góp phần giải thích trong một số trường hợp, ví dụ trong văn nói, động từ *be* số ít nhưng chủ ngữ có thể là danh từ số nhiều hoặc cụm từ kết hợp. Ví dụ:

[19] a. *There's so many things to do.*

b. *There's only two days left.*

c. *There's a book, a pen, and three rulers on the table.*

Ở câu thứ nhất [19a] người nói muốn nêu khối lượng công việc, câu [19b] nói tới một khoảng thời gian, và câu [19c] nói tới sự bổ sung, không có nghĩa thêm vào, từ *and* được hiểu như là giới từ, không phải liên từ. Tóm lại, trong các trường hợp này người nói dùng danh từ số nhiều hoặc cụm từ với nghĩa tập hợp, không tách riêng từng đơn vị, từng phần.

6.4. Danh từ sau *be*

Trong tiếng Anh, kiểu câu SVC trong đó chủ ngữ là danh từ hay đại từ còn được gọi là danh ngữ, động từ vị ngữ là *be* và sau đó là danh từ hay danh ngữ (NP-Be-NP) thường dùng để giới thiệu, định danh sự vật. Trong cấu trúc này, danh từ sau *be* có quan hệ nghĩa, nói rõ về chủ ngữ, *be* là động từ nối, có quan hệ ngữ pháp và bị chi phối dạng thức bởi chủ ngữ. Ví dụ,

[20] a. *This is a book.* (Chủ ngữ đại từ số ít)

b. *Mai and Phong are both students.* (Chủ ngữ danh từ số nhiều)

Như vậy, thông thường danh từ sau *be* trong các cấu trúc này ngoài nhiệm vụ định danh còn phải phù hợp với chủ ngữ về số. Tuy nhiên, có trường hợp danh từ chủ ngữ có dạng số ít nhưng có khi nghĩa số nhiều, và vì vậy danh từ bổ chủ ngữ cũng ở số nhiều. Ví dụ:

[21] a. *My family is a happy family.*
(Danh từ chủ ngữ nghĩa số ít)

b. *My family are all workers.* (Danh từ chủ ngữ nghĩa số nhiều)

Trong hai câu trên, động từ *be* chia ở thời hiện tại có dạng số ít ở câu thứ nhất [21a] vì chủ ngữ *My family* chỉ một nhóm người, một gia đình. Trái lại, trong câu thứ hai [21b], chủ ngữ *My family* chỉ tất cả các thành viên gia đình cho nên *be* chia ở số nhiều. Nói cách khác, danh từ sau *be* không có quan hệ nghĩa hay quan hệ ngữ pháp với *be*. Điều này càng trở nên rõ như trong câu ví dụ sau khi mà đại từ *I* sau *be* không dùng được ở dạng chủ cách:

[22] a. *Who is there who could help?*
- b. *There is always me / * I, I suppose*
(Huddleston & Pullum:462)

Ngoài ra, theo quy tắc ngữ pháp tiếng Anh, chủ ngữ phải đứng trước động từ *be* vị ngữ trong câu trần thuật và câu trả lời ngắn, đứng sau *be* trong câu hỏi Yes/No và đuôi câu hỏi trong câu hỏi tách biệt (câu hỏi có đuôi - *tag questions*), danh từ sau *be* không thấy đứng ở những vị trí này. Ví dụ:

[23] a. *Is there any water in the tank? Yes, there is / * Yes, it is*

b. *There are two men in the room, aren't there / * they?*

Thêm nữa, có ý kiến cho rằng, bởi vì *there* là chủ ngữ giả, không có nghĩa cho

nên tránh dùng câu tồn tại, đặc biệt trong lối văn trang trọng, thay vào đó nên dùng trật tự câu bình thường SV (Maclin, 1992, tr.37). Tuy nhiên, trong trường hợp hiện diện của sự vật ngầm ẩn do hoàn cảnh giao tiếp đã rõ, việc chuyển đổi câu tồn tại sang dạng câu SV không hề dễ dàng. Ví dụ :

[24] a. *There are two cars in the car park* (Improved: *Two cars are in the car park*)

b. *There is another way of doing this* (Improved: **Another way of doing this is...?*)

Qua các trường hợp trên có thể rút ra kết luận rằng trong câu tồn tại cấu trúc *there-be* danh từ sau *be* là bổ chủ ngữ, là cái hiện thân, gọi tên, có nghĩa chỉ vật và nghĩa số của danh từ chủ ngữ.

6.5. Dạy và học câu tồn tại tiếng Anh

Có nhiều cách dạy cấu trúc câu tồn tại tiếng Anh. Tuy nhiên, trước khi bàn về dạy loại câu này, cần trao đổi qua về một số điểm giống và khác nhau giữa câu giới thiệu sự vật sử dụng *this/that-be* với câu tồn tại *there-be*. Bởi lẽ, hai cấu trúc này có một số điểm giống nhau, là những cấu trúc đơn giản, rất cơ bản mà mọi người học tiếng Anh đều phải học trong những bài học đầu tiên.

Về mặt nghĩa và cấu trúc, hai loại câu này có điểm giống nhau; đều được dùng để nhận diện sự việc và đều có ba thành phần câu SVC trong đó chủ ngữ là đại từ, *be* là động từ vị ngữ và bổ chủ ngữ là danh từ. Tuy nhiên, cách nhận diện của chúng khác nhau. Nếu như câu dùng *this/that-be* dùng để nhận diện, xác định tên sự vật, là nghĩa biểu thị của danh từ sau động từ *be*, thì câu dùng *there-be* lại dùng để

nhận diện sự tồn tại của sự vật mà danh từ sau *be* nói tới. Ngoài ra, điểm khác nhau cơ bản giữa chúng về mặt cấu trúc là chủ ngữ ở câu định danh sự vật là đại từ chỉ định, có dạng thức số ít, số nhiều, nghĩa chỉ gần, xa khác nhau (*this/these, that/those*); trái lại, chủ ngữ ở câu tồn tại chỉ có từ *there* với cả hai nghĩa số ít, nhiều; không phân biệt nghĩa gần, xa. Một điểm khác cơ bản nữa là, trong câu tồn tại danh từ sau *be* đi cùng với từ hoặc cụm từ chỉ hoàn cảnh xuất hiện của sự vật. Câu dùng với đại từ chỉ định không có đặc điểm này. Ví dụ:

[25] a. ***This/That is a book/* a book on the table.***

b. ***There is a book on the table / *There is a book.***

Mặc dù hai loại câu này có một số đặc điểm ngôn ngữ và chức năng giao tiếp không giống nhau như đã nêu; tuy nhiên, chúng tôi cho rằng trong giảng dạy, hai loại câu này có sự liên hệ về phương pháp. Đó là, khi dạy câu giới thiệu đồ vật số ít ở gần hay xa, bằng cách dùng phương pháp trực tiếp (Direct Method), dùng đồ vật thật có trong thực tế hoặc ở tranh vẽ giáo viên có thể hướng dẫn người học xây dựng câu bằng cách ghép *this is...* hay *that is..* với danh từ số ít, phù hợp với nghĩa gần hoặc xa người nói, ví dụ: *This is a pen, That is a doll*. Tương tự, người học có thể dùng *these are* hoặc *those are* ghép với danh từ chỉ vật số nhiều: *These are pens, Those are dolls*. Đối với câu tồn tại, khi dạy giáo viên trước hết giới thiệu mục đích sử dụng loại câu *There-be* là để giới thiệu sự xuất hiện sự vật trong một hoàn cảnh cụ thể, chẳng hạn ở một nơi nào đó. Cũng bằng phương pháp trực tiếp, người học sẽ dùng

cấu trúc *There is* kết hợp với danh từ số ít, dùng *there are* kết hợp với danh từ số nhiều theo sau là từ hay cụm từ chỉ vị trí. Bằng phương pháp này giáo viên có thể giúp người học phân biệt được chức năng giao tiếp khác nhau phải dùng cấu trúc khác nhau, không lẫn lộn giữa chúng. Ví dụ, người học có thể nói: *This is a book* (giới thiệu đồ vật), mà không nói **This is a book on the table*, hoặc có thể nói *There is a book on the table* (câu tồn tại) mà không nói **There is a book*. Tóm lại, khi dạy câu tồn tại tiếng Anh giáo viên nên dạy cấu trúc *there-Be* dưới dạng **hai cụm từ cố định**: Cụm từ thứ nhất ***there is*** kết hợp với danh từ số ít và cụm từ thứ hai ***there are*** kết hợp với danh từ số nhiều theo sau là những từ chỉ bối cảnh giao tiếp để có câu hoàn chỉnh. Bằng cách này, với sự hỗ trợ của giáo cụ trực quan, người học có thể ghép từ theo trục ngang từ trái sang phải (*there is/ are +...*) mà không ghép chiều ngược lại. Trong quá trình thực hành, giáo viên không cần giải thích sự phù hợp về dạng số ít hay số nhiều của *be* với chủ ngữ, không cần nói danh từ sau *be* giữ chức năng gì. Sau này ở bậc học cao hơn người học sẽ biết được rằng trong tiếng Anh có nhiều danh từ, đại từ, trong đó có cả từ *there*, chỉ có một dạng nhưng có cả nghĩa số ít, số nhiều, do người sử dụng quyết định. Trong câu tồn tại tiếng Anh, phần đầu câu (*there is / there are*) là phần nêu, phần còn lại của câu là phần báo, bao gồm danh từ chỉ vật và từ hoặc cụm danh từ chỉ bối cảnh vật xuất hiện. Khi đã hiểu được chức năng cú pháp và nghĩa của các thành phần câu, người học sẽ hiểu được lý do động từ *be* chia theo số ít hay số nhiều phụ thuộc nghĩa của *there* trong câu tồn tại.

VII. Lời kết

Ngôn ngữ phản ánh tư duy con người. Cấu trúc *there-be* được sử dụng trong câu tiếng Anh để giới thiệu sự hiện diện của sự vật ở một hoàn cảnh giao tiếp nhất định. Nếu nói rằng điều đặc biệt trong cấu trúc câu tồn tại tiếng Anh là chủ ngữ của câu nằm ở sau động từ *be*, chúng tôi cho rằng câu tồn tại tiếng Anh có cấu trúc bình thường SVC(A), trong đó *there* là đại từ làm chủ ngữ, (tạm gọi là *đại từ tồn tại* hoặc *there tồn tại*), nghĩa số ít hay số nhiều của từ là do người nói hoặc viết muốn nói tới ít hay nhiều vật tồn tại trong hoàn cảnh giao tiếp.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Alice Maclin (2001) *Reference Guide to English- A Handbook of English as a Second Language*. The Office of English Language Programs United States Department of State, Washington, DC
- [2]. Collins Cobuild (1990), *English Grammar*, London: William Collins Sons & Co. Ltd.
- [3]. Hornby, A.S. (2010) *Oxford Advanced Learner's Dictionary*, Oxford University Press.

[4]. Rodney Huddleston (1984), *Introduction to the Grammar of English*, Cambridge University Press.

[5]. Rodney Huddleston & Geoffrey K. Pullum (et al) (2002), *The Cambridge Grammar of the English Language*, Cambridge University Press.

[6]. R.W. Pence & D.W. Emery (1963), *A Grammar of Present-Day English*, New York: Macmillan Publishing Co., Inc.

[7]. Sidney Greenbaum, *English Grammar*, Oxford University Press.

[8]. Stanley J. Cook & Richard W. Suter. (1980). *The Scope of Grammar – A Study of Modern English*, New York: Mc Graw-Hill Book Company.

[9]. Sylvia Chalker (1992), *Current English Grammar*, Macmillan Publishers Ltd.

[10]. Từ điển Anh Việt (1993), TTKHXH&NVQG-Viện Ngôn Ngữ Học, Nxb.TP Ho Chi Minh.

Địa chỉ tác giả: Trường Đại học Đại Nam

Email: nghuongss@gmail.com